TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN S – TP ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **297**/2019/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 27 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 263/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

+ Bà **Trần Thị Kim C**- Sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Tổ 36, phường T, quận S, Tp. Đà Nẵng.

+ Ông **Nguyễn Hữu Ư**- Sinh năm: 1975; Nơi cư trú: Tổ 36, phường T, quận S, Tp. Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Hữu Ứ và bà Trần Thị Kim C kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận S, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyển số 195 cấp ngày 24/8/2000. Hôn nhân tự nguyện, có

thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Tại phiên hòa giải, ông Nguyễn Hữu Ư và bà Trần Thị Kim C xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại: tổ 36 phường T, quận S, Tp. Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thiếu sự tin tưởng nhau về mặt tình cảm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay ông Ư, bà C xác định không còn yêu thương nhau nữa nên đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Hữu Ư và bà Trần Thị Kim C thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng ông Ư, bà C lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông bà đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông Ư, bà C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Hữu Ư và bà Trần Thị Kim C xác định có 02 con chung: Nguyễn Hữu V - Sinh ngày 07/10/2001 và Nguyễn Hữu N – Sinh ngày: 23/10/ 2006. Ly hôn ông bà thỏa thuận giao con Nguyễn Hữu N cho ông Ư trực tiếp nuôi dưỡng, bà C không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Nguyễn Hữu V đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên ông bà không có yêu cầu gì. Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của ông bà là thỏa thuận tự nguyện, phù hợp nguyện vọng của con và quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: ông Ư, bà C xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Các vấn đề khác: ông Ư, bà C xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Nguyễn Hữu Ư, bà Trần Thị Kim C mỗi người phải chịu 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng ông bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0008217 ngày 11/11/2019.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Hữu Ư và bà Trần Thị Kim C *(Giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyển số 195 do Ủy ban nhân dân phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/8/2000 không còn giá trị pháp lý)*.

- Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Hữu Ư và bà Trần Thị Kim C xác định có 02 con chung: Nguyễn Hữu V - Sinh ngày 07/10/2001 và Nguyễn Hữu N– Sinh ngày: 23/10/ 2006. Ly hôn ông bà thỏa thuận giao con Nguyễn Hữu N cho ông Ư trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con Nguyễn Hữu N đủ 18 tuổi, bà C không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Nguyễn Hữu V đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên ông bà không có yêu cầu gì.

Các đương sự được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: ông Ư, bà C xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: ông Ư, bà C xác định không có nợ chung.

2. Về Lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Nguyễn Hữu Ư, bà Trần Thị Kim C mỗi người phải chịu 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng ông

bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0008217 ngày 11/11/2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận S, ĐN;
- Chi cục THADS quận S, ĐN;
- UBND phường T, quận S, ĐN;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hạnh